

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 109 /2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24-4-2020

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Giao

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phạm Thị Kim Thảo

2. Ông Trần Đăng Khoa

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đỗ Hữu Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Tố Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 162/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2020/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngô Thị Đ, sinh năm 1985; Địa chỉ: Tổ X, ấp Đ, xã V, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 26/3/2020)

2. *Bị đơn:* Lê Minh T, sinh năm 1985; Địa chỉ: Tổ Y, ấp Đ, xã V, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Ngô Thị Đ trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Đ và anh T tự tìm hiểu và được cha mẹ tổ chức lễ cưới vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Châu Thành,

tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc đến năm 2014 thì anh T sinh ra cờ bạc, cá độ bóng đá gây nợ bên ngoài, chị Đ phải đứng ra trả nợ và nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh T không sửa đổi. Vợ chồng ngày càng xảy ra nhiều mâu thuẫn hơn. Từ khoảng cuối năm 2018, anh chị đã ly thân nhau, chị Đ nhận thấy anh chị không thể tiếp tục chung sống với nhau nên yêu cầu ly hôn với anh T.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Ngô P, sinh ngày 04/8/2010. Sau khi ly hôn, cháu P có nguyện vọng được sống với ai thì người đó nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn anh Lê Minh T nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do, đồng thời không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án tiến hành các thủ tục xác minh, lấy lời khai nhưng bị đơn không có mặt tại nhà khi cán bộ Tòa án đến, nên không lấy được lời khai của bị đơn.

\* Tại Tờ trình bày ý kiến ngày 26/3/2020, cháu Lê Ngô P có nguyện vọng được tiếp tục sống với chị Đ sau khi chị Đ và anh T ly hôn.

\* Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và có tờ tự khai trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, đồng ý nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Bị đơn vắng mặt, không có ý kiến trình bày.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu:

+ *Về chấp hành pháp luật*: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ *Về nội dung*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Ngô Thị Đ, giao cháu P cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*:

1.1 *Quan hệ tranh chấp*: Tranh chấp giữa chị Ngô Thị Đ và anh Lê Minh T là tranh chấp về ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.2 *Thẩm quyền giải quyết*: Tại biên bản xác minh ngày 25/02/2020, Công

an xã V, huyện C, tỉnh An Giang xác định: Lê Minh T hiện đang có đăng ký hộ khẩu tại ấp Đ, xã V, huyện C, tỉnh An Giang. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

*1.3 Về sự có mặt của đương sự:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến Tòa án để tham gia phiên toà xét xử vụ án nhưng bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

*[2] Về nội dung tranh chấp:*

*2.1 Về hôn nhân:* Chị Ngô Thị Đ và anh Lê Minh T có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình và được Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 04, quyển số 01, ngày 18/02/2010. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ khi xảy ra tranh chấp. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần mở phiên hòa giải nhằm tạo điều kiện để chị Đ và anh T được đoàn tụ, nhưng chị Đ cương quyết ly hôn, anh T đều vắng mặt tại các phiên họp và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Đ, điều này chứng tỏ anh T cũng không có nguyện vọng được đoàn tụ với chị Đ. Anh chị đã ly thân từ năm 2018 và không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng, anh chị không có chung sống với nhau, không thực hiện quyền và nghĩa vụ vợ chồng trong đời sống hôn nhân với nhau. Như vậy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Ngô Thị Đ.

*2.2 Về con chung:* Chị Đ trình bày anh chị có một con chung tên Lê Ngô P, sinh ngày 04/8/2010. Từ khi chị Đ và anh T ly thân đến nay, cháu P sống ổn định với chị Đ và cháu P cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống với chị Đ. Hội đồng xét xử nhận thấy, để cho cuộc sống của cháu được ổn định, không bị xáo trộn, căn cứ quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Đ, giao cháu P cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đ không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không buộc anh T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung.

Chị Đ và gia đình phải tạo điều kiện cho anh T trong việc thực hiện nghĩa vụ, quyền của cha mẹ đối với con chung theo quy định tại Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Việc nuôi con có thể bị thay đổi theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và

gia đình.

*2.3 Về tài sản chung và nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*[3] Về án phí sơ thẩm:* Chị Đ là nguyên đơn nên phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

*[4] Quyền kháng cáo:* Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị Đ.

- Về hôn nhân: Chị Ngô Thị Đ được ly hôn với anh Lê Minh T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 04, quyền số 01, ngày 18/02/2010 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Chị Ngô Thị Đ được quyền nuôi con chung tên Lê Ngô P, sinh ngày 04/8/2010. Anh Lê Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Đ không yêu cầu.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Việc nuôi con có thể bị thay đổi dựa trên cơ sở lợi ích của con.

2. *Về án phí sơ thẩm:* Chị Ngô Thị Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014371 ngày 26/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. *Quyền kháng cáo:* Chị Ngô Thị Đ và anh Lê Minh T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Ngọc Giao**